

Số: 161/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 4, ngày 09 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường E, Phường F, Quận G, TP. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường H, Phường K, Quận G, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 01 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Nguyễn Minh A và bà Nguyễn Thị Cẩm B (Giấy chứng nhận kết hôn số 68/KH, quyền số 01/2005, do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2005).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Minh A và bà Nguyễn Thị Cẩm B xác định có 02 con chung tên Nguyễn Khánh C, sinh ngày 27/6/2007 và Nguyễn Thiên D, sinh ngày 30/10/2012. Hai bên thỏa thuận:

Giao cho ông Nguyễn Minh A trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Khánh C; Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm B trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thiên D.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh A và bà Nguyễn Thị Cẩm B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông A và bà B không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông Nguyễn Minh A và bà Nguyễn Thị Cẩm B xác định có 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota-Innova, biển số

51G- 577.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 3516xx do công an TP. Hồ Chí Minh cấp 20/3/2018 do ông A đứng tên đăng ký. Ông A và bà L đã tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông, bà trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, cụ thể ông, bà đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của ông, bà như sau: Ông Nguyễn Minh A được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe ô tô nêu trên sau khi thanh toán cho bà Nguyễn Thị Cẩm B $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe với số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), hạn chót thanh toán là ngày 08/6/2020. Sau khi thanh toán cho bà B toàn bộ số tiền nêu trên thì ông A được quyền liên hệ cơ quan chức năng xác lập quyền sở hữu đối với xe nêu trên theo quy định.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Cẩm B có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, ông A còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm hòa giải thành: Ông Nguyễn Minh A tự nguyện nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm hòa giải thành số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0024915 ngày 5/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh A số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Nguyễn Minh A đã nộp đủ án phí.

Về án phí dân sự: Do ông Nguyễn Minh A và bà Nguyễn Thị Cẩm B đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và có đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông Nguyễn Minh A và bà Nguyễn Thị Cẩm B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung. Do đó, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0035504 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 4.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- UBND Phường F, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo